BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI

****

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**DẪN LƯU BỂ THẬN QUA DA DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM**

QTKT.03.CĐHA

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Người viết** | **Người kiểm tra** | **Người phê duyệt** |
| **Họ và tên** | **BsThs. Vũ Ngọc Hoài** | **BsThs. Cao Thiên Sàng** | **BsCKII. Phạm Văn Thinh** |
| Ký  |  |  |  |

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**DẪN LƯU BỂ THẬN QUA DA DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM**

1**. ĐẠI CƯƠNG**

Là thủ thuật thiết lập một đường dẫn lưu nước tiểu từ bể thận ra ngoài qua da dưới sự hướng dẫn của siêu âm, qua đó giải quyết tình trạng ứ nước, ứ mủ bể thận nhằm giải quyết được tình trạng nhiễm trùng tại chỗ hạn chế tình trạng nhiễm trùng lan rộng hơn như nhiễm trùng máu, kéo dài thời gian nâng thể trạng cho người bệnh để tạo điều kiện cho việc giải quyết nguyên nhân gây tắc nghẽn.

2**. CHỈ ĐỊNH**

Tắc nghẽn đường bài xuất trên có thể do một trong các nguyên nhân:

* Bệnh lý ác tính: ung thư tử cung, tiền liệt tuyến, xương chậu di căn, ung thư của hệ tiết niệu…
* Sỏi thận, sỏi niệu quản, viêm xơ hóa co thắt niệu quản.
* Chít hẹp bể thận sau phẫu thuật.
* Viêm ứ mủ bể thận.
* Tắc nghẽn đường bài xuất trong thai kỳ và chưa thể xử trí triệt để được nguyên nhân tắc nghẽn.

**3. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

* Rối loạn đông máu nặng.
* Đang được điều trị chống đông: aspirin, warfarin, heparin.
* Khối u thận, lao thận.
* Bệnh toàn thể nặng tiên lượng tử vong.

**4. Thận Trọng**

**5. CHUẨN BỊ**

* 1. **Người thực hiện**
* Bác sỹ chuyên khoa
* Bác sỹ phụ
* Điều dưỡng.

**5.2. Thuốc**

* Thuốc gây tê tại chỗ.
* Dung dịch sát khuẩn da, niêm mạc.

**5.3. Vật tư**

* Bơm tiêm 5- 20ml
* Kim chọc hút chuyên dụng. (cái)
* Nước cất hoặc nước muối sinh lý (ml)
* Găng tay(đôi).
* Áo, mũ, khẩu trang phẫu thuật(cái)
* Bộ dụng cụ can thiệp vô trùng: dao, kéo, kẹp, 4 bát kim loại, khay quả đậu, khay đựng dụng cụ.
* Bông, gạc (gói).
* Băng dính phẫu thuật.
* Hộp thuốc và dụng cụ cấp cứu tai biến thuốc gây tê.
* Kim chọc hút chuyên dụng
* Dây dẫn tiêu chuẩn 0.035 inch
* Ống nong các kích cỡ 6-12F.
* Ống thông dẫn lưu hình đuôi lợn (Pigtail) đường kính 6-12F.

**5.4. Trang thiết bị****:**

* Máy siêu âm với các đầu dò chuyên dụng
* Giấy in, máy in ảnh, hệ thống lưu trữ hình ảnh

**5.5. Người bệnh**

* Người bệnh được giải thích kỹ về thủ thuật để phối hợp với thầy thuốc.
* Người bệnh quá kích thích, không nằm yên: cần cho thuốc an thần.

**5.6. Hồ sơ bệnh án**

* Hồ sơ bệnh án điều trị nội trú
* Có phiếu chỉ định thực hiện thủ thuật đã được thông qua
* Cam đoan của bệnh nhân hoặc người nhà.
* Phim ảnh chụp X quang, CLVT, CHT (nếu có).

**5.7. Thời gian thực hiện kĩ thuật**: Từ 20 phút đến 60 phút.

**5.8. Địa điểm thực hiện kỹ thuật**: Tại phòng siêu âm can thiệp khoa CDHA, hoặc phòng mổ.

**5.9. Kiểm tra hồ sơ:**

 a. Kiểm tra người bệnh: Đánh giá tính chính xác của người bệnh: Đúng người bệnh, đúng chẩn đoán, đúng vị trí cần thực hiện kĩ thuật.

 b. Thực hiện bảng kiểm an thoàn phẫu thuật, thủ thuật.

 c. Tư thế người bệnh: người bệnh nằm ngửa hoặc nằm nghiêng tùy vị trí tổn thương, đặt đường truyền tĩnh mạch, lắp máy theo dõi nhịp thở, mạch, huyết áp, điện tâm đồ, SpO2.

**V. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH**

1. **Bước 1**
* Đặt đầu dò tìm vị trí chọc kim thuận lợi nhất: đường đi không xuyên qua mạch, ống tiêu hoá, đường đi ngắn nhất.
* Thủ thuật viên rửa tay, đeo khẩu trang, đeo găng phẫu thuật vô khuẩn.
* Sát khuẩn rộng vị trí chọc kim.
* Gây tê tại chỗ.
1. **Bước 2**
* Rạch vết nhỏ ở da bằng lưỡi dao phẫu thuật.
* Chọc kim dẫn đường qua vị trí rạch da, dưới hướng dẫn của siêu âm vào bể thận.
* Qua kim dẫn đường đưa dây dẫn đường (guide wire) vào trong bể thận.
* Dùng bộ nong để nong rộng đường vào, cỡ tăng dần theo dây dẫn đường đặt ống dẫn lưu vào trong bể thận, rút dây dẫn đường, kiểm tra hút ra dịch từ bể thận làm xét nghiệm. Khi ống dẫn lưu đã đặt đúng trong bể thận thì tiến hành nối ống dẫn lưu với bộ dây truyền và túi đựng nước tiểu.
1. **Bước 3**
* Cố định ống dẫn lưu bằng kim chỉ khâu phẫu thuật. Băng chân ống dẫn lưu.
* Dặn người bệnh nằm tại giường trong 6 giờ, theo dõi mạch, huyết áp, vị trí dẫn lưu trong 24 giờ.
1. **Bước 4.**

- Phân tích kết quả, kiểm tra đầu ống dẫn lưu đã nằm trong bể thận bằng siêu âm.

- Hút dịch kiểm tra bằng bơm tiêm gắn vào ống dẫn lưu, đánh giá tính chất dịch hút được.

* 1. **Kết thúc quy trình.**
* Đánh giátình trạng người bệnh sau khi thực hiện kỹ thuật .
* Hoànthiện ghi chép hồ sơ bệnh án, lưu hồ sơ.
* Bàn giao người bệnh cho khoa phòng tiếp theo.
1. **THEO DÕI VÀ XỬ TRÍ TAI BIẾN.**

 **7.1. Tai biến trong khi thực hiện kĩ thuật**

 - Theo dõi các chỉ số sinh tồn.

* Chảy máu : Điều trị nội khoa và theo dõi. Nếu chảy máu không cầm thì hội chẩn chuyên khoa xét can thiệp nút mạch cầm máu hoặc chuyển ngoại khoa để phẫu thuật
* Vỡ nang, chảy dịch, thuốc gây xơ vào ổ bụng: lượng ít thì người bệnh bất động tại chỗ và theo dõi, lượng nhiều cần tiến hành phẫu thuật để rửa và hút tránh gây xơ và viêm phúc mạc.

 **7.2. Tai biến sau khi thực hiện kĩ thuật**

- Theo dõi các chỉ số sinh tồn.

* Chảy máu : Điều trị nội khoa và theo dõi. Nếu chảy máu không cầm thì hội chẩn chuyên khoa xét can thiệp nút mạch cầm máu hoặc chuyển ngoại khoa để phẫu thuật
* Sưng đau tại vị trí can thiệp: Điều trị giảm đau, khám xét dùng kháng sinh nếu có triệu chứng nhiễm khuẩn kèm theo.
	1. **. Biến chứng muộn:**
* Cần theo dõi biến chứng muộn như nhiễm trùng: Xử trí kháng sinh, chống viêm.
* Biến chứng đau muộn: Giảm đau.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Ngoại khoa của Bộ Y tế số 25/ QĐ – BYT ngày 03 tháng 01 năm 2013.*
2. *Quyết định số 3023/ QĐ- BYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Đề cương tài liệu chuyên môn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh”.*

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC**

**CHUẨN BỊ THỰC HIỆN KỸ THUẬT DẪN LƯU BỂ THẬN QUA DA DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM**

*(Ghi chú: danh mục và số lượng có thể thay đổi trên thực tế thưc hiện kỹ thuật tuỳ từng trường hợp cụ thể hoặc diễn biến trong thủ thuật)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục chuẩn bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| 1 | **Lao động trực tiếp**  | Người | 3 |
| 1.1 | Bác sĩ chính | Người | 1 |
| 1.2 | Bs phụ | Người | 1 |
| 1.3 | Điều dưỡng | Người | 1 |
| **2** | **Thuốc**  |  |  |
| 2.1 | Lidocain 2% (thuốc tiêm) | ống | 2 |
| 2.2 | Adrenalin 1/100.000(thuốc tiêm) | ống | 1 |
| 2.3 | SMOFlipid 20%(truyền tĩnh mạch) | lọ | 1 |
| **3** | **Vật tư**  |  |  |
| 3.1 | Vật tư cấy ghép |  |  |
| 3.2  | Dụng Cụ |  |  |
| 3.2.1  | Panh không mấu hoặc có mấu | cái | 1 |
| 3.2.2 | Khay quả đậu | cái | 1 |
| 3.3 | Vật liệu |  |  |
| 3.4 | Thuốc thử |  |  |
| 3.5 | Chất hiệu chuẩn |  |  |
| 3.6 | Sinh phẩm chẩn đoán |  |  |
| 3.7 | Vật tư khác |  |  |
| 3.7.1 | Bơm tiêm(5-20ml) | cái | 5 |
| 3.7.2 | Găng tay vô khuẩn | đôi | 3 |
| 3.7.3 | Mũ giấy phẫu thuật | cái | 3 |
| 3.7.4 | Khẩu trang  | cái | 3 |
| 3.7.5 | Povidine | ml | 5 |
| 3.7.6 | Cồn 70 độ | ml | 10 |
| 3.7.7 | Nước cất | ml | 50 |
| 3.7.8 | Dung dịch rửa tay | ml | 30 |
| 3.7.9 | Bộ dẫn lưu thận qua da | bộ | 1 |
| 3.7.10 | Chỉ khâu không tiêu 2.0 | sợi | 1 |
| 3.7.11 | Găng tay kiểm tra | đôi | 1 |
| 3.7.12 | Túi camera vô khuẩn (bọc đầu dò) | cái | 1 |
| 3.7.13 | Săng có lỗ | cái | 2 |
| 3.7.14 | Giấy ảnh sony  | cái | 2 |
| 3.7.15 | Gel siêu âm | ml | 10 |
| 3.7.16 | Kim lấy thuốc | cái | 2 |
| 3.7.17 | Kim luồn | cái | 2 |
| 3.7.18 | Bông viên | gói | 1 |
| 3.7.19 | Gạc vô khuẩn | gói | 1 |
| 3.7.20 | Băng dính lụa | cái | 1 |
| **4** | **Trang Thiết bị**  (sử dụng trực tiếp) |  |  |
| 4.1 | Máy siêu âm  | Cái  | 1 |